

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P4	7:25	9+12	0+0		4+18	0+0	
2		P3+TD5+PPD	7:25	4+2+15	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
3		RP2+RP3	9:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
4		PVD2+P4	9:25	22+0	0+0		20+2	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người đi /2 người về PVD2 qua RP3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PPD - P4	CREW: TUYỀN - CHIẾN - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

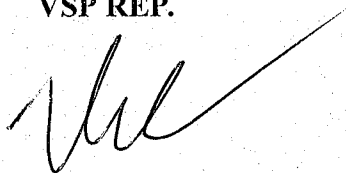
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	34	1	5	60	78	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	35-36	2	15		76	KHI	Vietnamese
3	BUI THANH HAI	PPD	39	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	PPD	38	1	11		83	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	37	1	4		72	KHI	Vietnamese
7	ĐINH THÈ QUÂN	PPD	33	1	7		67	KHI	Vietnamese
8	VÔ TẠ QUANG	PPD	40	1	5		73	KHI	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	41	1	6		70	KHI	Vietnamese
10	HÀ QUỐC VIỆT	P4	02	1	3	30	64	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	08-09	2	10		72	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	04-05	2	15		76	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH CỬ	P4	01	1	7		77	KHI	Vietnamese
14	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	90	1	6		78	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN HƯƠNG	P4	91	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	07	1	6		69	KHI	Vietnamese
17	HOÀNG THAI DƯƠNG	P4					75	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	06	1	5		70	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THANH	P4	92	1	3	9	62	KHI	Vietnamese
20	LÊ MINH HIẾU	P4	03	1	7		73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

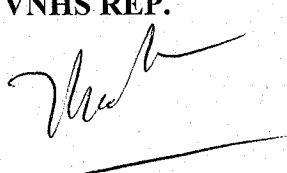
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	10	63	654	60	4		
2	P4	11	12	66	786	39	18		
TOTAL		20	22	129	1.440	99	22		
WEIGHT KG				129	1.440	99			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

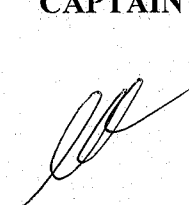
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/06/2022	TO: P3 - TD5 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - XTrường - PTUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

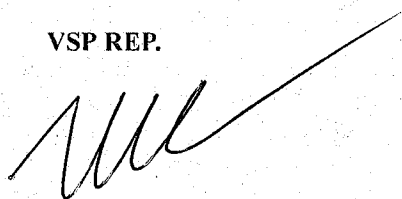
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO QUỐC HUNG	P3	87-88	2	17	12	65	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC TIÊM	P3	92	1	18		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	P3	89	1	8		52	GETRACO	Vietnamese
4	LÊ TUÂN VŨ	P3	90	1	6		100	GETRACO	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TIỀN	TD5	79	1	9		92	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ XUÂN THĂNG	TD5	90-91	2	17		72	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	04	1	5		65	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN VĨNH	PPD	95	1	5		80	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	06	1	7		65	KHI	Vietnamese
10	HOANG HUY TIỀN	PPD	97	1	7		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	99	1	8		65	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	200	1	6		75	KHI	Vietnamese
13	PHẠM HỒNG THAI	PPD	94	1	4		65	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	98	1	4		72	KHI	Vietnamese
15	TRẦN SƠN HAI	PPD	91	1	6		67	KHI	Vietnamese
16	LÊ MINH PHỤNG	PPD	07	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	HUYNH NAM LONG	PPD	93	1	18		67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	96	1	4		50	KHI	Vietnamese
19	HOANG VĂN CHIẾN	PPD	92	1	4		63	KHI	Vietnamese
20	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	PPD	05	1	5		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	4	5	49	292	12	0		
2	TD5	2	3	26	164	0	0		
3	PPD	14	14	88	934	0	22		
TOTAL		20	22	163	1.390	12	22		
WEIGHT KG				163	1.390	12			

GRAND TOAL: 1.565 KGS

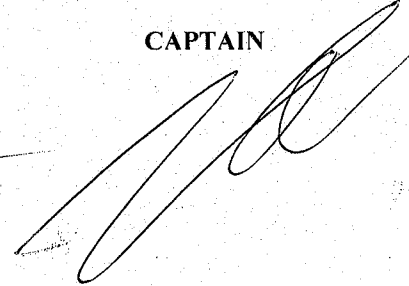
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	TO: RP2 - RP3	CREW: TUYỀN - CHIẾN - HIẾU	ETA: 11:40
XANH-2			

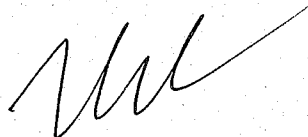
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO TRƯỜNG SƠN	RP2	24	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	23	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG THANH HOA	RP3	18	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN HUNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
5	PANKRATOV	RP3	16	1	10		90	KHI	Russian
6	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	17	1	6		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	22	1	2		70	KHI	Vietnamese
8	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	12-13	2	10		58	KHI	Vietnamese
9	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	28	1	3		68	KHI	Vietnamese
10	NGÔ THANH LÂM	RP3	26	1	4		72	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	23	1	5		74	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC HUY	RP3	08	1	8		52	PSV	Vietnamese
13	ĐUƠNG HỒNG QUẬN	RP3	21	1	5	100	70	KHI	Vietnamese
14	ĐANG HUY KHANH	RP3	15	1	3		77	KHI	Vietnamese
15	PHẠM DUY DŨNG	RP3					78	KHI	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG QUÂN	RP3	14	1	3		80	KHI	Vietnamese
17	LẠI VĂN MINH	RP3	29	1	2		63	KHI	Vietnamese
18	TÀ PHI KHANH	RP3	09	1	2	38	67	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THAI HOA	RP3	19-20	2	11		60	KHI	Vietnamese
20	TRẦN KIM THANH	RP3	27	1	7		75	NIPI	Vietnamese
21	PHẠM MINH TOÀN	RP3	24-25	2	14		58	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VŨ HIỆP	RP3	10-11	2	12		65	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	2	11	142	0	0		
2	RP3	20	22	112	1.388	138	22		
TOTAL		22	24	123	1.530	138	22		
WEIGHT KG				123	1.530	138			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

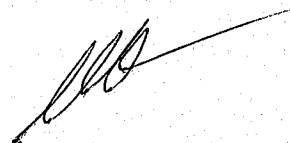
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/06/2022	TO: PVD2 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - XTruong - PTUAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRỌNG TOÀN	PVD2	72-73	2	18		80	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG TRUNG KIEN	PVD2	51	1	5		95	PVD	Vietnamese
3	PHAM NGOC LONG	PVD2	61	1	6		65	PVD	Vietnamese
4	HOANG QUANG THANH	PVD2	53	1	9		60	PVD	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THUONG	PVD2	63	1	5		65	PVD	Vietnamese
6	PHAM VAN QUAN	PVD2	69	1	7		75	PVD	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG DUNG	PVD2	62	1	5		65	PVD	Vietnamese
8	PHAM TAN NHUT	PVD2	99	1	8		102	PVD	Vietnamese
9	TA NGOC HA	PVD2	50	1	9		72	PVD	Vietnamese
10	PHAM VAN TAN	PVD2	60	1	5		65	PVD	Vietnamese
11	LE MANH HUNG	PVD2	58	1	4		74	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC ĐANG	PVD2	52	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	TRINH VAN HA	PVD2	56	1	6		63	PSV	Vietnamese
14	PHAN HUU QUANG	PVD2	54-55	2	13		70	PVD TECH	Vietnamese
15	MAI HOANG TUAN	PVD2	59	1	6		70	PVD TECH	Vietnamese
16	VU HONG ANH	PVD2	57	1	5		65	PVD TECH	Vietnamese
17	PHAM VAN HUY	PVD2	66-68	3	17		68	VIKING ME	Vietnamese
18	LE DUY THANG	PVD2	64-65	2	17		70	VIKING ME	Vietnamese
19	CAO XUAN VINH	PVD2	70	1	14		82	PVDWS	Vietnamese
20	NGO VAN CUONG	PVD2	71	1	15		70	PVDWS	Vietnamese
21	VU THANH QUANG	PVD2	48-49	2	13		70	PVD-BH	Vietnamese
22	HOANG THAI SON	PVD2	74-75	2	15		70	PVD-INVE\$	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	22	29	207	1.586	0	20		
2	P4	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	29	207	1.586	0	22		
WEIGHT KG				207	1.586	0			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN